

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN,
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HS-ST

Ngày 30-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

*** Tại điểm cầu trung tâm:**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tân Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Dung

Bà Lê Thị Bổng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hằng - Kiểm sát viên.

*** Tại điểm cầu thành phần:**

- Kiểm sát viên: Bà Lương Thị Tuyền

- Cảnh sát hỗ trợ tư pháp: Ông Hoàng Văn Đông, ông Cẩm Văn Duy

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (điểm cầu trung tâm) và tại trụ sở Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (điểm cầu thành phần) xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Giàng A D, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1989 tại Phù Yên - Sơn La. Nơi cư trú: Bản X, xã Mường Còi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A T (đã chết) và bà Vàng Thị L; có vợ và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2017, bị Toà án nhân dân huyện Phù Yên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng; năm 2021, bị Công an huyện Phù Yên xử phạt vi phạm hành chính số tiền 5.000.000 đồng về hành vi trốn khỏi khu vực cách ly y tế (Covid-19); bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 đến nay, “có mặt”.

2. Giàng A G, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1974 tại Phù Yên- Sơn La. Nơi cư trú: Bản X, xã Mường Còi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn

giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A S (đã chết) và bà Mùa Thị Tr (đã chết); có vợ và 04 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 đến nay, “có mặt”.

3. Trịnh Văn Th, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1982 tại Phù Yên- Sơn La. Nơi cư trú: Bản X, xã Mường Cơi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); có vợ và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 đến nay, “có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Giàng A H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Bản Yên Hưng, xã Mường Cơi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 10/4/2024, bị cáo Giàng A D điều khiển xe mô tô BKS: 26D1 - 309.97 đi sang huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái để tìm mua ma túy về sử dụng. Trên đường đi thì gặp Giàng A G. Bị cáo G hỏi xin đi cùng để tìm mua ma túy về sử dụng thì D đồng ý. Bị cáo D điều khiển xe mô tô chở G ngồi phía sau tiếp tục đi sang huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, khi đến khu vực giáp ranh giữa bản Yên Hưng với bản Nghĩa Hưng, xã Mường Cơi thì gặp Trịnh Văn Th. Bị cáo Th đưa cho G 200.000 đồng và nhờ G mua hộ ma túy mục đích để sử dụng thì G đồng ý. Bị cáo D và G đi đến huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái gặp và hỏi mua ma túy của một người đàn ông tên “Tông” (không rõ họ tên, địa chỉ). Bị cáo D mua được 01 gói ma túy với giá 400.000 đồng (là tiền riêng của D). Bị cáo G mua được 01 gói ma túy với giá 600.000 đồng (trong đó có 400.000 đồng tiền của G và 200.000 đồng tiền của Th nhờ mua ma túy hộ). Sau khi mua được ma túy D và G đi về đến đoạn đèo Lũng Lô thuộc địa phận bản Nghĩa Hưng, xã Mường Cơi thì dừng xe, cả hai vào bụi cây ven đường để sử dụng ma túy (ma túy của ai người đó sử dụng). Sử dụng ma túy xong, bị cáo D chia khối lượng ma túy còn lại của mình thành 02 gói nhỏ, đều được gói bằng nilon màu trắng. Bị cáo G cũng chia khối lượng ma túy còn lại thành 02 gói; gói có khối lượng ít hơn (khoảng 1/3), G để cho Th, đặc điểm bên ngoài được gói bằng túi nilon (vỏ đựng kim tiêm), lớp thứ hai là giấy trắng; gói còn lại bên ngoài được gói bằng nilon màu trắng có khối lượng nhiều hơn, G để sử dụng. Sau đó, D và G tiếp tục điều khiển xe mô tô đi về đến địa phận bản Bau, xã Mường Cơi, huyện Phù Yên thì bị tổ công tác Công an xã Mường Cơi bắt quả tang.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành mở niêm phong, cân tịnh, lấy mẫu gửi giám định, kết quả cân tịnh xác định: Khối lượng chất bột màu trắng thu giữ của Giàng A D là: Gói thứ nhất = 0,068gam, gói thứ 2 = 0,301gam. Khối lượng chất bột màu trắng thu giữ của Giàng A G là: Gói thứ nhất (bên ngoài được gói bằng nilon, lớp thứ hai gói bằng giấy trắng) = 0,194gam, gói thứ 2 (bên ngoài được gói bằng nilon màu

trắng) = 0,459 gam. Lấy toàn bộ khối lượng ma túy làm mẫu gửi giám định ký hiệu D1; D2 và G1; G2.

Tại Kết luận giám định số: 896/KL-KTHS ngày 15/4/2024, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu D1, D2, G1, G2 đều là ma túy; Loại Heroine; Khối lượng của mẫu gửi giám định D1 = 0,068gam; D2 = 0,301gam; G1 = 0,194gam; G2 = 0,459gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 1,022gam Loại Heroine”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận nêu trên.

Với những tình tiết như trên, tại Cáo trạng số: 39/CT – VKS ngày 06/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố Giàng A D, Giàng A G và Trịnh Văn Th về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Giàng A D và Giàng A G, Trịnh Văn Th đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 (riêng bị cáo G áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51); Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng A D từ 20 đến 24 tháng tù. Xử phạt Giàng A G từ 16 đến 20 tháng tù; Trịnh Văn Th từ 12 đến 16 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ban đầu khi bắt quả tang, 01 mảnh nilon màu hồng, 02 mảnh nilon màu trắng tạm giữ của Giàng A D; 01 phong bì niêm phong ban đầu khi bắt quả tang, 01 mảnh nilon màu xanh (vỏ xi lanh), 01 mảnh giấy trắng có chữ, 01 mảnh nilon màu trắng tạm giữ của Giàng A G. Trả lại cho anh Giàng A Huy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave RSX màu đen xanh BKS: 26D1-309.97. Trả lại cho bị cáo Giàng A G 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu KECHAODA. Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71K; miễn án phí cho các bị cáo D và G, bị cáo Th phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông Giàng A Huy xác nhận là chủ sở hữu hợp pháp và đề nghị được nhận lại chiếc xe mô tô BKS: 26D1-309.97, màu đen xanh, nhãn hiệu HONDA Wave RSX.

Kết thúc tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng, đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện

Phù Yên, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Giàng A D, Giàng A G đều khai nhận hành vi cất giữ Heroine để sử dụng, bị cáo Trịnh Văn Th nhờ bị cáo G mua hộ 200.000đ ma túy để sử dụng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản thu giữ vật chứng, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 1,022 gam, loại Heroine. Trong đó, khối lượng ma túy thu giữ của D là 0,369 gam; khối lượng ma túy thu giữ của G là 0,653 gam (bao gồm 0,194 gam ma túy của Th).

Bị cáo D biết G đi cùng để mua ma túy về để sử dụng, chứng kiến G trao đổi mua ma túy và biết rõ G mua ma túy và cất giữ ma túy trong người nhưng vẫn trực tiếp điều khiển xe mô tô chở G đi mua ma túy nên bị cáo D phải chịu trách nhiệm đối với tổng khối lượng ma túy thu giữ là 1,022 gam, bao gồm khối lượng ma túy của D và khối lượng ma túy của G. Bị cáo Trịnh Văn Th là người đưa số tiền 200.000 đồng nhờ bị cáo G mua giúp ma túy về để sử dụng, không bàn bạc hay hứa hẹn gì trước. Sau khi mua được ma túy, G đã chia riêng một phần ma túy cho Th nhưng chưa kịp giao cho Th. Cho nên, bị cáo G phải chịu trách nhiệm đối với tổng khối lượng ma túy mà G cất giữ là 0,653gam, bị cáo Th phải chịu trách nhiệm đối với khối lượng ma túy đã nhờ G mua là 0,194 gam.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý các chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhận thức được việc cất giữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy, đã bất chấp quy định của pháp luật, cố ý phạm tội.

Phân hóa vai trò phạm tội: Xét vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án thấy rằng, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, phạm tội do bột phát. Trong đó, bị cáo D là người khởi xướng, trực tiếp điều khiển xe mô tô chở G đi tìm mua ma túy. Bị cáo G là người thực hành tích cực, thể hiện qua việc G đã chủ động đi tìm mua ma túy giúp bị cáo Th. Bị cáo Th là đồng phạm có vai trò thứ yếu, chỉ nhờ bị cáo G mua giúp 200.000đ, không trực tiếp đi tìm mua ma túy. Khi quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét đến tính chất hành vi và vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

[3.2] Về nhân thân người phạm tội, các bị cáo đều là người có sử dụng ma túy. Bị cáo Giàng A D, năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng; Năm 2021, bị Công an huyện Phù Yên xử phạt vi phạm hành chính 5.000.000 đ về hành vi trốn khỏi khu vực cách ly y tế (Covid-19).

[3.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo G tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm (chủ động khai báo về hành vi phạm tội của bị cáo Th), cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Bị cáo D và bị cáo G là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt chính, từ việc đánh giá những căn cứ quyết định hình phạt trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo với mức hình phạt đảm bảo cho việc giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng,...*”. Do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế gia đình còn khó khăn (bút lục số 264 – 265, 319-320, 366-367) cho nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng, áp dụng biện pháp tư pháp: Đối với 01 phong bì niêm phong ban đầu khi bắt quả tang, 01 mảnh nilon màu hồng, 02 mảnh nilon màu trắng tạm giữ của Giàng A D; 01 phong bì niêm phong ban đầu khi bắt quả tang, 01 mảnh nilon màu xanh (vỏ xi lanh), 01 mảnh giấy trắng có chữ, 01 mảnh nilon màu trắng tạm giữ của Giàng A G. Xác định là vật chứng, vật không có giá trị, căn cứ vào các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX màu đen xanh BKS: 26D1-309.97, xác định là tài sản của anh Giàng A Huy, bị cáo D tự ý sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy, căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, cần trả lại chiếc xe cho anh Huy. Đối với chiếc điện thoại tạm giữ của bị cáo G và bị cáo Th, các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông tên “Tòng” đã bán ma túy cho các bị cáo. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không làm rõ được họ tên, địa chỉ. Ngoài lời khai của D và G ra không có tài liệu chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để mở rộng vụ án.

Do đến ngày xét xử, thời hạn tạm giam đối với các bị cáo đã hết nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[5] Về án phí: Bị cáo Giàng A D, Giàng A G là cá nhân thuộc hộ nghèo, nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trịnh Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 38 của Bộ Luật Hình sự (áp dụng đối với bị cáo D). Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 38 của Bộ Luật Hình sự (áp dụng đối với bị cáo G). Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58, 38 của Bộ Luật Hình sự (áp dụng đối với bị cáo Th);

1. Tuyên bố: Bị cáo Giàng A D, Giàng A G và Trịnh Văn Th phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Giàng A D 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ). Xử phạt bị cáo Giàng A G 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ). Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Th 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ).

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Căn cứ các điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ban đầu khi bắt quả tang, 01 mảnh nilon màu hồng, 02 mảnh nilon màu trắng tạm giữ của Giàng A D; 01 phong bì niêm phong ban đầu khi bắt quả tang, 01 mảnh nilon màu xanh (vỏ xi lanh), 01 mảnh giấy trắng có chữ, 01 mảnh nilon màu trắng tạm giữ của Giàng A G.

Trả lại cho anh Giàng A Huy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave RSX màu đen xanh BKS: 26D1-309.97. Trả lại cho bị cáo Giàng A G 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu KECHAODA, vỏ màu đen, cũ qua sử dụng kèm theo sim số 0344.956.683. Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71K vỏ màu nâu đồng, bên trong gắn 02 sim điện thoại có số thuê bao 0334.089.183 và số 0972.429.421.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, 15; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Giàng A D và Giàng A G được miễn nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trịnh Văn Th phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/7/2024); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
 - Bị hại (nếu có);
 - VKSND huyện Phù Yên;
 - Người bào chữa (nếu có);
- } Giao
- TAND tỉnh;
 - VKSND tỉnh;
 - Cơ quan điều tra- CA huyện ;
 - Cơ quan HSNV-CA huyện;
 - CQ Thi hành án hình sự;
 - Trại TG (nhà tạm giam);
 - Sở tư pháp tỉnh;
 - Người có QL,NVLQ (nếu có);
 - Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
 - Lưu: HS.
- } Gửi

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tân Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo;
 - Bị hại (nếu có);
 - VKSND huyện Phù Yên;
 - Người bào chữa (nếu có);
- } Giao
- TAND tỉnh;
 - VKSND tỉnh;
 - Cơ quan điều tra- CA huyện ;
 - CQ Thi hành án hình sự;
 - Trại TG (nhà tạm giam);
 - Sở tư pháp tỉnh;
 - Người có QL,NVLQ (nếu có);
- } Gửi

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tân Việt

- Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
- Lưu: HS.

